

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/KDTM - ST

Ngày: 10 - 12- 2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Ngọc Trao

Bà Lê Thị Kim Xuyên

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu –Thư ký
Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tham gia
phiên tòa:** Bà Lê Thị Hương Thủy – Kiểm Sát Viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 02/2021/TLST-KDTM ngày 05/02/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 444/2021/QĐXXST-KDTM ngày 02 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 552/2021/QĐST-KDTM ngày 23/6/2021, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 549/TB-TA ngày 13/7/2021, Thông báo mở lại phiên tòa số 724/TB-TA ngày 20/10/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 950/2021/QĐST-KDTM ngày 19/11/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH một thành viên sản xuất thương mại B.

Địa chỉ: ấp Võ Đông, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Đức H- Chức danh: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1991

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

+ Bà Lương Thị L, sinh năm 1990

Địa chỉ: xã Ea Nuôi, huyện B, tỉnh Đắk Lắk

Địa chỉ tạm trú: ấp L, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 27/01/2021)

2. Bị đơn: Công ty TNHH công nghiệp gốm sứ D.
Địa chỉ: Đường số 10, KCN N 1, huyện N, tỉnh Đồng Nai.
(Bà L có mặt tại phiên tòa; bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Công ty TNHH một thành viên sản xuất thương mại B do bà Lương Thị L đại diện trình bày:

Vào cuối năm 2015, giữa Công ty TNHH một thành viên sản xuất thương mại B (sau đây gọi tắt là Công ty B) và Công ty TNHH công nghiệp gốm sứ D (sau đây gọi tắt là Công ty D) có thỏa thuận mua bán đá Granite với nhau. Việc thỏa thuận mua bán đá Granite các bên không ký hợp đồng mua bán hàng hóa mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói với nhau và thanh toán tiền trên cơ sở giao nhận hàng thực tế với nhau. Thực hiện thỏa thuận, Công ty B đã tiến hành mua đá Granite và bán cho Công ty D nhiều lần. Đến ngày 17/7/2017 thì giữa Công ty B và Công ty D có tổng kết lại các khoản nợ phải thanh toán cho nhau, theo đó Công ty D xác nhận còn nợ của Công ty B số tiền 1.866.620.000đ cho đến nay chưa thanh toán. Công ty B đã nhiều lần yêu cầu Công ty D thanh toán số tiền nêu trên nhưng Công ty D không thanh toán.

Do đó, nay Công ty B khởi kiện yêu cầu Công ty D phải có trách nhiệm thanh toán tiền gốc là 1.866.620.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/8/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm, tính tròn thời hạn là 52 tháng với số tiền là 808.868.667 đồng.

Bị đơn Công ty TNHH công nghiệp gốm sứ D không đến Tòa tham gia tố tụng và cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 1.866.620.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn Công ty D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa tham gia tố tụng và cung cấp chứng cứ để giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Công ty D.

2. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty B:

[2.1] Về yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ trong hợp đồng mua bán hàng hóa là 1.866.620.000 đồng.

Nguyên đơn Công ty B trình bày giữa Công ty B và Công ty D có thỏa thuận mua bán đá Granite với nhau. Việc thỏa thuận mua bán đá Granite các bên không ký hợp đồng mua bán hàng hóa mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói với nhau và thanh toán tiền trên cơ sở giao nhận hàng thực tế. Thực hiện thỏa thuận, Công ty B đã tiến hành mua đá Granite và bán cho Công ty D nhiều lần. Đến ngày 17/7/2017 thì giữa Công ty B và Công ty D có tổng kết lại các khoản nợ phải thanh toán cho nhau, theo đó Công ty D xác nhận còn nợ của Công ty B số tiền 1.866.620.000đ cho đến nay chưa thanh toán. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án gồm biên bản xác nhận công nợ số 02/2017/XNCN ngày 31/7/2017 (bút lục 25-26) và Thông báo kết quả giải quyết đơn tố cáo số 57/CQĐT-PC 46(Đ2) ngày 21/10/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai thể hiện rõ là Công ty D xác nhận còn nợ Công ty B số tiền 1.866.620.000đ.

Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện N đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn Công ty D biết để có ý kiến bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình nhưng Công ty D không hợp tác, không đến Tòa tham gia tố tụng và không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện N tiếp tục Ban hành thông báo giao nộp chứng cứ số 222/2021/TB-TA ngày 22/3/2021 và số 307/2021/TB-TA ngày 16/4/2021 để cung cấp các chứng cứ, có ý kiến về giấy xác nhận công nợ số 02/2017/XNCN ngày 31/7/2017, cung cấp ý kiến để làm rõ nội dung vụ án và có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng Công ty D vẫn không hợp tác và không có ý kiến giải quyết vụ án. Bên cạnh đó, năm 2015 Công ty B đã tố cáo Công ty D đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai cũng đã có văn bản Thông báo kết quả giải quyết đơn tố cáo số 57/CQĐT-PC 46(Đ2) ngày 21/10/2017 thể hiện: giữa Công ty B và Công ty D có thỏa thuận mua bán, xuất nhập khẩu đá Granite và có giấy xác nhận công nợ số 02/2017/XNCN ngày 31/7/2017 nên xác định đây là tranh chấp dân sự, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai không có cơ sở xử lý đơn tố cáo của Công ty B.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xét thấy giữa Công ty B và Công ty D có thỏa thuận mua bán đá Granite với nhau, các bên cũng đã xác định đôi chiều công nợ theo giấy xác nhận công nợ số 02/2017/XNCN ngày 31/7/2017 với số tiền 1.866.620.000đ là có thật. Trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án, Công ty D cũng không có ý kiến phản đối, bác bỏ giấy xác nhận công nợ nêu trên và cũng không có chứng cứ cung cấp là đã thanh toán nợ cho Công ty B.

Tại giấy xác nhận công nợ số 02/2017/XNCN ngày 31/7/2017 các bên có thỏa thuận là ký kết hợp đồng thuê nhà xưởng để cần trù công nợ, nguyên đơn Công ty B xác định giữa hai bên không thực hiện việc thuê nhà xưởng nên

không cản trở công nợ. Đối với Công ty D cũng không có ý kiến cung cấp cho Tòa án. Do đó, nếu các bên có ký kết và thực hiện hợp đồng thuê nhà xưởng thì được khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác nếu có tranh chấp.

Do đó, Hội đồng xét xử xác định buộc Công ty D có trách nhiệm thanh toán cho Công ty B số tiền 1.866.620.000đ là có căn cứ, phù hợp với tài liệu chứng cứ thu thập được có tại hồ sơ vụ án.

[2.2] Về yêu cầu thanh toán số tiền lãi theo lãi suất 10%/năm tính từ ngày 01/8/2017.

Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty B và Công ty D đã thực hiện xong và các bên có giấy xác nhận công nợ số 02/2017/XNCN ngày 31/7/2017 nên việc Công ty D chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cho nguyên đơn là gây thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn nên Công ty B yêu cầu thanh toán tiền lãi từ ngày 01/8/2017 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật thương mại năm 2005 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo Điều 306 Luật thương mại năm 2005 quy định: “Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”. Căn cứ vào mức lãi suất nợ trong hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam là 10,5%/năm, mức lãi suất nợ trong hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam là 9,5% năm; mức lãi suất nợ trong hạn của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là 10%/năm; nên mức lãi suất nợ trong hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm hiện nay được tính là $10,5\% + 9,5\% + 10\% : 3 = 10\%/năm$ và lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường bằng 150% lãi suất nợ trong hạn nhưng nguyên đơn Công ty B chỉ yêu cầu lãi suất 10%/năm là có lợi cho Công ty D nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu thanh toán tiền lãi từ ngày 01/8/2017 đến ngày xét xử làm tròn là 52 tháng. Vì vậy, tiền lãi được tính như sau: $1.866.620.000đ \text{ đồng} \times 52 \text{ tháng} \times 10\%/năm = 808.868.667 \text{ đồng}$.

Do đó, Hội đồng xét xử buộc Công ty D có trách nhiệm thanh toán cho Công ty B số tiền lãi là 808.868.667 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty B, buộc Công ty D có trách nhiệm thanh toán cho Công ty B số tiền còn nợ trong hợp đồng mua bán hàng hóa là 1.866.620.000đ đồng và tiền lãi là 808.868.667 đồng. Tổng cộng số tiền là: 2.675.488.667 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của Công ty B được chấp nhận nên Công ty D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 85.509.773 đồng.

[4] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 244 và Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 50 và Điều 306 Luật thương mại năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH một thành viên sản xuất thương mại B đối với bị đơn Công ty TNHH công nghiệp gốm sứ D về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Xử buộc Công ty TNHH công nghiệp gốm sứ D có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH một thành viên sản xuất thương mại B số tiền 2.675.448.667 đồng (Hai tỷ sáu trăm bảy mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Trong đó, tiền nợ gốc là 1.866.620.000 đồng và tiền lãi là 808.868.667 đồng.

2. Về án phí:

Công ty TNHH công nghiệp gốm sứ D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 85.509.773 đồng (Tám mươi lăm triệu năm trăm lẻ chín nghìn bảy trăm bảy mươi ba đồng).

Hoàn trả cho Công ty TNHH một thành viên sản xuất thương mại B tổng số tiền là 39.888.000 đồng (Ba mươi chín triệu tám trăm tám mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001340 ngày 05/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty D được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15

ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Lâm